

Số: /TTr-SGDĐT

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Thực hiện Văn bản số 685/HĐND-VHXXH ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn bản số 5971/UBND-VHXXH ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Sau khi nghiên cứu, xây dựng dự thảo; tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số .../BC-STP ngày ... tháng ... năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội đã phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035. Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 để triển khai thực hiện; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 phê duyệt nội dung Chương trình giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

Tại điểm a khoản 4 Điều 13 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ quy định của Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Khoản 3 Điều 9 Quyết định này xác định nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ là căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phương án phân bổ ngân sách trung ương của Chương trình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại Văn bản số 685/HĐND-VHXXH, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã nhất trí với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng Nghị quyết và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn; đồng thời đề nghị chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng dự thảo Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành, trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất. Do đó, việc xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết là nhiệm vụ được giao trực tiếp, có đầy đủ căn cứ pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, tỉnh chưa có nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trong nội bộ tỉnh. Trong khi đó, Chương trình đã bước vào năm đầu thực hiện và nguồn lực dự kiến bao gồm cả vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên, nhiều dự án thành phần, nhiều nhóm đối tượng thụ hưởng. Vì vậy, cần ban hành Nghị quyết để làm căn cứ thống nhất cho việc lập, thẩm định, quyết định phương án phân bổ; bảo đảm nguồn lực được phân bổ đúng mục tiêu, đúng đối tượng, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp điều kiện thực tế của từng địa bàn.

3. Dự báo tác động tiêu cực nếu không kịp thời ban hành Nghị quyết

Trường hợp không kịp thời ban hành Nghị quyết, tỉnh chưa có đầy đủ căn cứ pháp lý để xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phương án phân bổ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình; làm chậm tiến độ lập, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước; ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, giải ngân nguồn vốn được giao.

Việc chậm ban hành Nghị quyết còn có thể dẫn đến chậm bố trí nguồn lực xử lý phòng học tạm, nhờ, mượn, công trình xuống cấp, không bảo đảm an toàn; chậm bổ sung phòng học, phòng học bộ môn, nhà công vụ giáo viên, phòng ở nội trú, thiết bị dạy học; ảnh hưởng đến các nhiệm vụ bồi dưỡng đội ngũ, hỗ trợ người học, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tăng cường tiếng Anh, giáo dục STEM, STEAM và các mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

4. Dự báo tác động tích cực khi ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết sẽ cụ thể hóa kịp thời nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao; tạo cơ sở pháp lý thống nhất để lập, thẩm định, quyết định và tổ chức thực hiện phương án phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình; bảo đảm nguồn lực được phân bổ đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, không vượt tổng nguồn và cơ cấu nguồn được cấp có thẩm quyền giao.

Các tiêu chí, hệ số và phương pháp phân bổ được thiết kế theo nhu cầu thực tế và địa điểm trực tiếp thụ hưởng sẽ tăng tính công khai, minh bạch, khả năng kiểm tra, giám sát; ưu tiên hợp lý cho địa bàn biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đặc biệt khó khăn, xã An toàn khu; hạn chế phân bổ bình quân, dàn trải, trùng lặp và góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Cụ thể hóa chủ trương đầu tư được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 249/2025/QH15, nội dung Chương trình được phê duyệt tại Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT và nhiệm vụ của địa phương được giao tại Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg;

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để lập, thẩm định, quyết định và tổ chức thực hiện phương án phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh;

- Bảo đảm nguồn vốn, kinh phí được phân bổ đúng mục tiêu, nội dung, đối tượng, theo nhu cầu thực tế, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên địa bàn khó khăn, nhiệm vụ cấp thiết và phù hợp khả năng thực hiện, giải ngân;

- Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực; tăng tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Tuân thủ chủ trương đầu tư, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và cơ cấu nguồn vốn của Chương trình; đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, không đặt ra nội dung chi, chế độ chi, mức chi hoặc tỷ lệ vốn đối ứng trái quy định;

- Bám sát quy định của Trung ương, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, hiện trạng mạng lưới trường lớp, quy mô người học, đội ngũ nhà giáo và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh;

- Phân bổ theo nhu cầu, nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và địa điểm trực tiếp thụ hưởng; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, có trọng tâm, trọng điểm; không phân bổ bình quân, dàn trải;

- Không làm thay đổi tổng nguồn, cơ cấu nguồn được cấp có thẩm quyền giao; không phân bổ vượt nhu cầu thực tế; không trùng lặp về nội dung, đối tượng, địa bàn và nguồn vốn với chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ khác;

- Bảo đảm thích ứng với việc sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục; việc thay đổi tên gọi, tư cách pháp lý hoặc đầu mối dự toán không làm phát sinh nhu cầu, không làm gián đoạn việc thực hiện Chương trình.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Đăng ký xây dựng Nghị quyết và quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn

Ngày 18 tháng 7 năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Tờ trình số 156/TTr-SGDĐT đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 157/TTr-UBND gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Trên cơ sở Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Báo cáo thẩm tra số 177/BC-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 685/HĐND-VHXXH ngày 29 tháng 7 năm 2026, nhất trí xây dựng Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn và đề nghị trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

2. Giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 5971/UBND-VHXXH giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết

theo trình tự, thủ tục rút gọn; trình Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm đúng quy định hiện hành.

3. Lấy ý kiến, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Văn bản số .../SGDDĐT-KHTC ngày ... tháng 8 năm 2026 đề nghị các sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ sở giáo dục và cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị quyết và Bản so sánh, thuyết minh. Thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản bảo đảm tối thiểu 03 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được đề nghị góp ý theo quy định về trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo và gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sau khi có Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ đối với vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên thuộc nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao tỉnh Tuyên Quang quản lý, phân bổ để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết không điều chỉnh nhiệm vụ, dự án do bộ, cơ quan trung ương trực tiếp quản lý hoặc nguồn ngân sách trung ương giao trực tiếp cho đơn vị thụ hưởng; không quy định nội dung chi, chế độ chi, mức chi và tỷ lệ vốn đối ứng.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan quản lý giáo dục; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập; cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trường Cao đẳng Tuyên Quang được xem xét phân bổ vốn đầu tư công khi đáp ứng đầy đủ điều kiện tham gia Dự án thành phần 2 và nguồn vốn được giao tỉnh quản lý, phân bổ.

3. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 08 điều và 01 phụ lục kèm theo, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;
- Điều 2. Đối tượng áp dụng;
- Điều 3. Nguyên tắc phân bổ ngân sách nhà nước;
- Điều 4. Tiêu chí, hệ số và phương pháp phân bổ vốn đầu tư công cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập;
- Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và phương pháp phân bổ vốn đầu tư công cho Trường Cao đẳng Tuyên Quang;

- Điều 6. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ kinh phí thường xuyên;
- Điều 7. Tổ chức thực hiện;
- Điều 8. Hiệu lực thi hành;
- Phụ lục I. Diện tích dùng để quy đổi và hệ số quy đổi các loại phòng.

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

4.1. Nguyên tắc chung

Nguồn lực được phân bổ đúng mục tiêu, nguồn vốn, nội dung, đối tượng và phạm vi từng dự án thành phần; không vượt tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu nguồn được giao; phù hợp kế hoạch, tiến độ, khả năng thực hiện và giải ngân. Mức phân bổ chính thức không vượt nhu cầu thực tế, không tính trùng với chương trình, dự án hoặc nguồn vốn khác. Trường hợp cơ sở giáo dục được sắp xếp, tổ chức lại, nhu cầu được xác định theo từng địa điểm tiếp tục sử dụng và cơ quan, đơn vị kế thừa nhiệm vụ, dự toán, tài sản.

4.2. Phân bổ vốn đầu tư công cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Dự thảo quy định thứ tự ưu tiên đối với: xây dựng phòng học thay thế phòng tạm, nhờ, mượn, phòng cấp 4 xuống cấp, không bảo đảm an toàn; phòng học phục vụ phổ cập giáo dục, dạy học 2 buổi/ngày; bổ sung phòng học, phòng học bộ môn, phòng công vụ giáo viên, phòng ở nội trú còn thiếu. Nhu cầu được quy đổi về phòng tiêu chuẩn có diện tích 63 m², sau đó nhân với hệ số ưu tiên địa bàn và phân bổ theo tỷ trọng điểm trong tổng nguồn vốn được giao.

Hệ số ưu tiên địa bàn được xác định theo địa điểm thực tế xây dựng công trình: 1,30 đối với xã, phường khu vực biên giới đất liền; 1,20 đối với xã khu vực III hoặc thôn đặc biệt khó khăn của xã khu vực I, khu vực II; 1,10 đối với xã khu vực II hoặc xã, phường An toàn khu không thuộc nhóm ưu tiên cao hơn; 1,00 đối với các địa điểm còn lại. Trường hợp đồng thời thuộc nhiều nhóm thì áp dụng hệ số cao nhất, không cộng dồn.

4.3. Phân bổ vốn đầu tư công cho Trường Cao đẳng Tuyên Quang

Trường Cao đẳng Tuyên Quang chỉ được xem xét phân bổ vốn khi được cấp có thẩm quyền lựa chọn tham gia Chương trình, thuộc danh mục cơ sở được đầu tư, đủ điều kiện tiếp nhận dự án và có nguồn vốn Dự án thành phần 2 được giao tính quản lý, phân bổ. Do trên địa bàn tỉnh chỉ có một trường thuộc phạm vi dự kiến xem xét nên không chần chừ để phân chia vốn giữa nhiều trường; mức vốn chính thức căn cứ dự án được phê duyệt, nhu cầu, tiến độ, khả năng giải ngân, vốn đối ứng và tổng nguồn được giao.

4.4. Phân bổ kinh phí thường xuyên

Dự thảo phân loại nhiệm vụ theo ba nhóm: nhiệm vụ có thể lượng hóa theo số người, lớp, khóa, ngày thực hiện, sản phẩm, thiết bị hoặc đơn vị khối lượng cụ thể; nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp theo chế độ, chính sách; nhiệm vụ quy mô toàn tỉnh, sản phẩm dùng chung, thí điểm mô hình, xây dựng hoặc vận hành hệ thống và

nhiệm vụ không có đơn vị khối lượng đồng nhất. Mỗi nhiệm vụ được xác định, phân bổ riêng, không cộng điểm giữa các nhiệm vụ khác nhau.

Đối với nhiệm vụ mua sắm thiết bị dạy học và trang thiết bị khác được phép sử dụng kinh phí thường xuyên của Chương trình, nhu cầu được xác định theo số lượng còn thiếu, danh mục, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá hoặc dự toán được phê duyệt và địa điểm của cơ sở giáo dục trực tiếp tiếp nhận, sử dụng. Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao tổ chức mua sắm tập trung, kinh phí được phân bổ cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ; việc mua sắm tập trung không làm thay đổi tiêu chí xác định nhu cầu, hệ số địa bàn và trách nhiệm bàn giao thiết bị đúng cơ sở thụ hưởng.

4.5. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, lập phương án phân bổ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; rà soát, cập nhật số liệu tại thời điểm lập phương án; chỉ tổng hợp nhu cầu thuộc phạm vi Chương trình, đủ điều kiện và không tính trùng. Cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp số liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu và hồ sơ minh chứng; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về nguồn nhân lực thực hiện

Sử dụng bộ máy, biên chế hiện có của các cơ quan, đơn vị và địa phương; không làm phát sinh tổ chức, bộ máy, biên chế mới. Việc lập, thẩm định, phân bổ, quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hiện hành.

2. Về kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thi hành Nghị quyết được bảo đảm từ ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, ngân sách địa phương bố trí theo khả năng cân đối và quyết định của cấp có thẩm quyền, cùng các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định. Nghị quyết chỉ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ trong phạm vi nguồn được giao tỉnh quản lý, phân bổ; không tự làm phát sinh nhiệm vụ chi, chế độ chi, mức chi hoặc nghĩa vụ đối ứng ngoài phạm vi Chương trình và quyết định của cấp có thẩm quyền.

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VÀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Trình tự, thủ tục soạn thảo

Thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 50, Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; theo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 685/HĐND-VHXXH ngày 29 tháng 7 năm 2026 và quy định pháp luật có liên quan.

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức soạn thảo; lấy ý kiến bằng văn bản đối với cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, đơn vị có liên quan, với thời hạn ít nhất 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến; gửi Sở Tư pháp thẩm định; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp gần nhất.

2. Thành phần hồ sơ trình

2.1. Tờ trình của Sở Giáo dục và Đào tạo;

2.2. Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2.3. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

2.4. Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết với quy định pháp luật hiện hành;

2.5. Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Tư pháp;

2.6. Báo cáo số .../BC-SGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

2.7. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết;

2.8. Tài liệu có liên quan: Nghị quyết số 249/2025/QH15; Nghị quyết số 103/NQ-CP; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT; Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg; Tờ trình số 156/TTr-SGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2026; Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 177/BC-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026; Văn bản số 685/HĐND-VHXX ngày 29 tháng 7 năm 2026; Văn bản số 5971/UBND-VHXX ngày 30 tháng 7 năm 2026; Quyết định thành lập Tổ soạn thảo và các tài liệu khác có liên quan.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết nêu trên tại kỳ họp gần nhất./.

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Sở Tư pháp (phối hợp);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng công tác thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Tuần).

GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Hưng